

Bản án số: 287/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2024

“V/v Tranh chấp HNGĐ

- xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Tuấn

Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 681/2023/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1978 (Có mặt)

-Bị đơn: Anh Trần Minh Th - Sinh năm: 1970 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Th tự tìm hiểu nhau khoảng 03-04 năm thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào tháng 01 năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới nhau thì anh chị chung sống hạnh phúc thời gian khoảng 02 năm, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất quan điểm về cuộc sống và kinh tế gia đình dẫn đến cãi nhau. Mặc dù cả hai đã tự sửa đổi nhưng không thể hàn gắn được tình cảm nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau, ly thân từ tháng 03 năm 2023 cho đến nay, mâu thuẫn đã rất trầm trọng. Nay chị H cương quyết xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Hoài Th1 - sinh năm: 2000, Trần Thương A - sinh ngày: 07/07/2007 và Trần Lê N - sinh ngày: 09/10/2014. Hiện

cháu Th1 đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Thương A và cháu N có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu các con muốn chung sống với chị thì chị đồng ý. Chị H yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc theo mức cấp dưỡng quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, bị đơn - anh Trần Minh Th trình bày: Anh Th xác định lời trình bày của chị H về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Anh và chị H chung sống hạnh phúc hơn 25 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh Th không đồng ý vì còn thương vợ và các con.

Về con chung, cháu Th1 đã trưởng thành, đối với cháu Phương A và cháu N, anh Th yêu cầu mỗi người nuôi 01 đứa con. Trường hợp chị H yêu cầu anh phải cấp dưỡng thì anh Th chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H cương quyết yêu cầu ly hôn, anh Th không đồng ý ly hôn, nhưng anh Th không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Cháu Thương đã trưởng thành, các cháu Trần Thương A - sinh ngày: 07/07/2007 và Trần Lê N - sinh ngày: 09/10/2014 đều trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với chị H. Hiện cháu A và cháu N đang chung sống ổn định với chị H. Chị H đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng các con và chỉ yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi cháu N, quá trình giải quyết vụ án anh Th cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao 02 cháu Anh và N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Xét yêu cầu của chị H về việc

yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định của pháp luật là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí, buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với anh Trần Minh Th. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh Th không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Minh Th cưới nhau vào năm 1999, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H xác định cuộc sống vợ chồng không H phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh Th đã ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....*”. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th không đồng ý ly hôn với chị H nhưng không đưa ra được giải pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải, anh chị tiếp tục sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Căn cứ chị H đưa ra ly hôn anh Th không phản đối nên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Minh Th.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh Th cùng xác định có 03 con chung tên Trần Hoài Th1 - sinh năm: 2000, Trần Thương A - sinh ngày: 07/07/2007 và Trần Lê N - sinh ngày:

09/10/2014. Hiện cháu Thương đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Thương A và cháu N, quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh Th cùng thống nhất việc nuôi con theo nguyện vọng của các con. Cháu A và cháu N đều trên 07 tuổi, các cháu có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với chị H. Xét thấy hiện các cháu đang chung sống ổn định với chị H, chị H đảm bảo các điều kiện chăm sóc và giáo dục con, anh Th cũng thống nhất theo nguyện vọng của các con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Anh và cháu Ngọc cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc theo mức cấp dưỡng quy định của pháp luật.

Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là chính đáng nhằm đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N được tốt hơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc mỗi tháng là 1.000.000 đồng, mỗi tháng cấp dưỡng 01 lần kể từ ngày tuyên án.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002257 ngày 10/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Minh Th.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thương A - sinh ngày: 07/07/2007 và Trần Lê N - sinh ngày: 09/10/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Buộc anh Trần Minh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lê Ngọc mỗi tháng là 1.000.000 đồng, mỗi tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án là ngày 23/5/2024 cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi.

4 Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002257 ngày 10/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trần Minh Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho chị H biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 23/5/2024, anh Th được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thúy An